

Mẫu 1

11/2014/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 31 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ:

Sản xuất thử nghiệm giống và nuôi thương phẩm cá nheo Mỹ *Ictalurus punctatus* (Rafinesque, 1818)

Mã số: DAĐL/CN-06/19

Thuộc chương trình: Nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp Quốc gia

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

2.1. Mục tiêu lâu dài:

- Hoàn thiện quy trình sản xuất cá nheo Mỹ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí phù hợp điều kiện Việt Nam.

- Hoàn thiện quy trình nuôi thương phẩm cá nheo Mỹ trong ao và trong lồng cho năng suất cao, hiệu quả kinh tế, giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Quy trình công nghệ sản xuất giống ở quy mô hàng hóa (Tỷ lệ thành thục >85%; Tỷ lệ đẻ >75%; Tỷ lệ thụ tinh >80%; Tỷ lệ nở >55%; Tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương >70%; Tỷ lệ sống từ cá hương lên cá giống >75%).

- Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm ở quy mô hàng hóa: Năng suất nuôi lồng 50-70kg/m³ lồng/24 tháng, cỡ cá thương phẩm > 3kg/con; năng suất nuôi ao > 25 tấn/ha/24 tháng, cỡ cá thương phẩm > 2,5kg/con.

- 800 cá bố mẹ: cỡ >3kg/con, tỷ lệ đực/cái = 1/1.

- 2.000.000 cá giống cỡ 5-7 cm/con.

- 02 mô hình sản xuất giống: 400 cá bố mẹ/mô hình (>3kg/con, tỷ lệ đực/cái = 1/1), sản xuất được 500.000 cá giống (cỡ 5-7 cm/con, cá khỏe mạnh)/mô hình/năm.

- 01 mô hình nuôi thương phẩm trong lồng: năng suất nuôi 50-70kg/m³ lồng/24 tháng; thu được > 50 tấn cá thương phẩm (cỡ > 3kg/con), tỷ lệ sống >80%. Cá đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

- 01 mô hình nuôi thương phẩm trong ao: năng suất đạt 25 tấn/ha/24 tháng, thu được > 25 tấn cá thương phẩm cỡ > 2,5kg/con, tỷ lệ sống >80%. Cá đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: Ths. Lê Ngọc Khánh

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản I

5. Tổng kinh phí thực hiện: 10.660,0 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.960,0 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 5.700,0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng: 36 tháng

Bắt đầu: 01/09/2019

Kết thúc: 31/08/2022

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

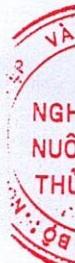
Số TT	Chức danh khoa học, học vị, họ và tên	Tổ chức công tác	Chữ ký
	Chủ nhiệm dự án, ThS. Lê Ngọc Khánh	Trung tâm Quốc gia giống thuỷ sản	
	Thư ký dự án, KS. Tăng Thị Lành	Trung tâm Quốc gia giống thuỷ sản	
	Thành viên chính, TS. Đinh Văn Trung	Trung tâm Quốc gia giống thuỷ sản	
	Thành viên chính, ThS. Nguyễn Hải Sơn	Trung tâm Quốc gia giống thuỷ sản	
	Thành viên chính, KS. Vũ Văn Dũng	Trung tâm Quốc gia giống thuỷ sản	
	Thành viên chính, KS. Đặng Duy Tuyền	HTX sản xuất và thương mại thuỷ sản	
	Thành viên chính, ThS.Nguyễn Công Hòa	HTX sản xuất và thương mại thuỷ sản	
	Thành viên chính, ThS.Phạm Ngọc Tuyên	HTX sản xuất và thương mại thuỷ sản	
	Thành viên chính, KS.Lê Xuân Triều	HTX sản xuất và thương mại thuỷ sản	
0	Thành viên chính, Trần Quang Hợp	Công ty TNHH Song Khuê	

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**1. Về sản phẩm khoa học:**

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

a) Sản phẩm Dạng I:

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Khối lượng	Chất lượng
I	Sản phẩm dạng 1			
	Cá bỗ mè (khối lượng >3,0 kg, tỷ lệ đực cái 1:1)	900 con	Vượt	Đạt
	Cá giống (chiều dài 5-7cm/con)	2.000.000 con	Đạt	Đạt
	Cá thương phẩm (50 tấn, kích cỡ >3kg/con; 25 tấn, kích cỡ >2,5kg/con, an toàn vệ sinh thực phẩm)	75 tấn	Đạt	Đạt
II	Sản phẩm dạng II			
	Các báo cáo công việc	Đạt	Đạt	Đạt
	Quy trình công nghệ SX giống cá nheo Mỹ	Đạt	Đạt	Đạt



	Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá nheo Mỹ trong ao và trong lồng	Đạt	Đạt	Đạt
	Mô hình SX giống cá nheo	Đạt	Đạt	Đạt
	Mô hình nuôi thương phẩm trong lồng	Đạt	Đạt	Đạt
	Mô hình nuôi thương phẩm trong ao	Đạt	Đạt	Đạt
	Báo cáo tổng kết	Đạt	Đạt	Đạt
III	Sản phẩm dạng III			
IV	Kết quả đào tạo			

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá nheo Mỹ	Từ năm 2023	Các Trung tâm giống thủy sản/Công ty/trại sản xuất/trại nuôi thương phẩm đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất và điều kiện môi trường.	

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Cá nheo Mỹ là đối tượng nuôi mới được di nhập vào Việt Nam, các quy trình công nghệ sản xuất giống trước đây thường thiếu ổn định và quy mô còn hạn chế. Việc thành công sản xuất giống cá nheo Mỹ theo phương pháp mới (cho sinh sản tự nhiên trong ao, thu và áp trứng bằng hệ thống máy guồng) đã góp phần nâng cao năng suất sản xuất giống, dễ áp dụng cho các trung tâm, trại nuôi và hộ nông dân.

Quy trình công nghệ nuôi cá thương phẩm cá nheo Mỹ trong lồng và trong ao nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho người nuôi.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

+ *Với tổ chức chủ trì:* Các cán bộ tham gia thực hiện nhiệm vụ sẽ tích luỹ được kinh nghiệm, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, giúp tổ chức triển khai và thực hiện các nghiên cứu tiếp theo đạt hiệu quả tốt hơn. Mặt khác, sản phẩm là đàn cá bò mè,

PHÁT
TIỆN
NĂM CỨU
TRỒNG
SẢN I
★ NOH ★

quy trình công nghệ được tiếp nhận từ nhiệm vụ là tài sản có thể khai thác phục vụ nghiên cứu khoa học cũng như sản xuất ở nhiều năm tiếp theo.

+ *Với các cơ sở ứng dụng:* Khi quy trình công nghệ được chuyển giao, các cơ sở sản xuất giống, nuôi thương phẩm có thể chủ động sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế góp phần phát triển bền vững nghề nuôi cá nheo Mỹ, nâng cao thu nhập cho các hộ nuôi trồng thủy sản.

+ *Kinh tế - xã hội:* Kết quả Dự án đáp ứng được việc chủ động con giống trong nước, đảm bảo nguồn giống cung cấp cho các hộ nuôi trồng thủy sản. Góp phần thúc đẩy nuôi trồng thủy sản nước ngọt đa dạng hóa vật nuôi.

3.2. Hiệu quả môi trường:

Kết quả Dự án cũng góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giảm tình trạng khai thác, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản bền vững.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn

- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng

- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc

- Đạt

- Không đạt

Giải thích lý do:

- Nhiệm vụ đã đạt 100% các chỉ tiêu về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm dạng I (cá b老子, cá hậu bị, cá giống), dạng II (các báo cáo, quy trình, tiêu chuẩn).

- Các sản phẩm về Quy trình mang tính ứng dụng cao, phù hợp với điều kiện sản xuất trong nước và đã sẵn sàng để chuyển giao trong thời gian sắp tới.

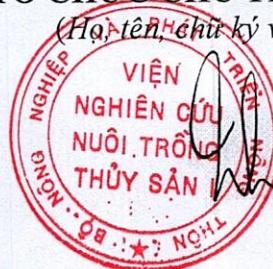
Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)

Alexander

Lê Ngọc Khanh

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Trần Thế Mưu

ĐỀ
MỤC